TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲ HỢP** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày 29 tháng 5 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Văn Đạt.
Các Hội thẩm: Ông Lương Văn Công.
Ông Đặng Thế Quế
Thư ký phiên toà: Bà Kim Thị Mai.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bình: Kiểm sát viên:

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2024/TLST-ST ngày 08 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST-HS, ngày 13/5/2024 đối với các bị cáo:

1. Vũ Thị D: Sinh năm 1967 tại huyện Q, tỉnh Nghệ An. Giới tính: Nữ. Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 07/09; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Ngọc Đ (đã mất) và bà Lê Thị T; chồng Trần Công K và con có 02 người, lớn nhất 19 tuổi, nhỏ nhất 10 tuổi; tiền án, tiền sự, nhân thân: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/01/2024 đến ngày 29/01/2024, từ ngày 29/01/2024 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay: Có mặt.

2. Đào Văn B**:** Sinh năm 1970 tại huyện Q, tỉnh Nghệ An. Giới tính: Nam. Nơi cư trú: Xóm S, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn L (đã chết) và bà Trần Thị Đ1 (đã chết); vợ Chu Thị L1 và con có 03 người, lớn nhất 31 tuổi, nhỏ nhất 15 tuổi; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/01/2024 đến ngày 29/01/2024, từ ngày 29/01/2024 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay: Có mặt.

3. Trương Thị D1**:** Sinh năm 1965 tại huyện Q, tỉnh Nghệ An**.** Giới tính: Nữ. Nơi cư trú: Xóm V, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/09; Dân tộc: Thổ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Công L2 (đã mất) và bà Trương Thị T1 (đã mất); chồng Trương Văn T2 và con có 02 người, lớn nhất 33 tuổi, nhỏ nhất 29 tuổi; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/01/2024 đến ngày 29/01/2024, từ

ngày 29/01/2024 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay: Có mặt.

4. Trương Thị T3**:** Sinh năm 1968 tại huyện Q, tỉnh Nghệ An. Giới tính: Nữ. Nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/10; Dân tộc: Thổ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T4 (đã mất) và bà Trương Thị H (đã mất); chồng Trương Văn N và con có 02 người, lớn nhất 33 tuổi, nhỏ nhất 31 tuổi; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Do có mối quan hệ quen biết với nhau nên trong ngày 23/01/2024, tại xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An, Vũ Thị D đánh bạc với Đào Văn B, Trương Thị D1, Trương Thị T3 bằng hình thức ghi số lô số đề. Vũ Thị D thoả thuận với Đào Văn B, Trương Thị D1 và Trương Thị T3 nhận giá mỗi điểm lô là 22.000đ/điểm (Hai mươi hai ngàn đồng); giá số đề, xiên 2, xiên 3 và xiên 4 bằng 0,80 lần (80%) số tiền ghi trong bảng. Trước khi có kết quả xổ số miền bắc mở thưởng hàng ngày thì Đào Văn B, Trương Thị D1 sẽ gọi điện thoại đọc các số lô, số đề, số xiên, Vũ Thị D nghe và viết vào quyển vở học sinh để nhận các số lô số đề. Trương Thị T3 nhắn tin đến số điện thoại di động của Vũ Thị D trước 18 giờ 15 phút hàng ngày thì sẽ được tính các số lô, số đề và số xiên. Vũ Thị D viết vào quyển vở học sinh để đối chiếu thắng thua, sau khi có kết quả xổ số kiến thiết M bắc mở thưởng. Ngày hôm sau sẽ trực tiếp gặp nhau để thanh toán tiền thắng thua.

Các đối tượng dựa vào kết quả xổ số kiến thiết Miền bắc mở thưởng hàng ngày vào lúc 18 giờ 15 đến 18 giờ 30 để làm căn cứ tính thắng thua trả tiền số lô, số đề, số lô xiên. Kết quả số đề là hai số cuối của giải đặc biệt; kết quả số lô là hai số cuối của tất cả các giải (27 giải); kết quả xiên là tổ hợp của các kết quả số lô (xiên 2 là tổ hợp của 2 số lô, xiên 3 là tổ hợp của 3 số lô, xiên 4 là tổ hợp của 4 số lô). Đề kép là hai số từ 00, 11, 22, 33, 44, 55, 66, 77, 88, 99 của giải đặc biệt. "Đầu đít" của số đề nghĩa là: "Đít" là số cuối của giải đặc biệt bao gồm các số tự nhiên từ 0 đến 9; "Đầu" là số liền trước số "Đít" của giải đặc biệt bao gồm các số tự nhiên từ 0 đến 9. "Tổng đề" là tổng hai số cuối của giải đặc biệt cộng lại.

Nếu thắng số lô thì được theo tỷ lệ 80.000 đ/điểm (T5 mươi nghìn đồng một điểm), nếu một số lô trúng lặp nhiều lần (thường gọi là "nháy") thì số tiền trúng được nhân thêm số lần lặp (số nháy), nghĩa là số tiền trúng = số điểm x 80.000đ/điểm x số nháy; nếu thắng số đề giải đặc biệt gồm hai số cuối thì được số tiền bằng 70 lần; số đề giải đặc biệt gồm ba số cuối (Ba càng) thì được số tiền bằng 400 lần đánh ghi trong bảng; nếu thắng số xiên 2, 3, 4 thì được số tiền lần lượt bằng 10, 40, 100 lần số tiền đánh ghi trong bảng.

Theo hồ sơ vụ án, Vũ Thị D lần lượt đánh với các bị cáo số tiền như sau.

1. Vũ Thị D đánh với Đào Văn B:

Tổng số tiền đánh số đề, lô xiên: 552.000 đồng x 80% = 441.600 đồng.

Tổng số tiền đánh số lô: 205 điểm x 22.000 đồng = 4.510.000 đồng.
Tổng số tiền trúng lô: Trúng 100 điểm số lô 25; trúng 10 điểm số lô 75; Trúng 05 điểm số lô 00. Tổng trúng 115 điểm số lô x 80.000 đồng = 9.200.000 đồng.
Như vậy, tổng số tiền đánh bạc của Vũ Thị D và Đào Văn B là: **14.151.600** đ (*Mười bốn triệu một trăm năm mươi mốt nghìn sáu trăm đồng*).

1. Vũ Thị D đánh với Trương Thị D1:

Tổng số tiền đánh số lô là: 307 điểm x 22.000 đồng = 6.754.000 đồng.
Tổng số tiền đánh số đề là: 620.000 đồng x 80% = 496.000 đồng.
Tổng số tiền trúng lô là: Lô 91, 98 mỗi số trúng 10 điểm; Lô 11 trúng hai "nháy", mỗi "nháy" 05 điểm; 46 trúng 05 điểm. Tổng trúng 35 điểm x 80.000 đồng = 2.800.000 đồng. Tổng số tiền trúng đề là: 41 trúng 5.000 đồng x 70 = 350.000 đ.
Như vậy, tổng số tiền đánh bạc của Vũ Thị D với Trương Thị D1 là: **10.400.000** đ (*Mười triệu bốn trăm ngàn đồng)*.

1. Vũ Thị D đánh với Trương Thị T3:

Tổng số tiền đánh số lô là: 130 điểm x 22.000 đồng = 2.860.000 đồng.
Tổng số tiền đánh số đề là: 60.000 đồng x 80% = 48.000 đồng.
Tổng số tiền trúng lô: Lô 17 trúng hai "nháy", mỗi "nháy" 10 điểm; Lô 00 trúng 10 điểm; Lô 22 trúng 10 điểm. Tổng 40 điểm x 80.000 đồng = 3.200.000 đồng.
Như vậy, tổng số tiền đánh bạc của Vũ Thị D và Trương Thị T3 là: **6.108.000** đồng *(Sáu triệu một trăm linh tám nghìn đồng*).

Hành vi đánh bạc của các bị cáo bị phát hiện vào thời điểm sau khi xổ số kiến thiết miền B mở thưởng nên xác định số tiền đánh bạc trong ngày 23/01/2024 mà các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự như sau: Đối với Vũ Thị D là: **30.659.600** đồng (*Ba mươi triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn sáu trăm đồng*); đối với Đào Văn B là 14.151.600 đồng; đối với Trương Thị D1 là 10.400.000 đồng; đối với Trương Thị T3 là 6.108.000 đồng.

Về vật chứng vụ án:
- Các tài liệu, sổ sách ghi số lô, số đề của Vũ Thị D được lưu vào hồ sơ vụ án;
- 01 (Một) điện thoại Nokia màu đen, gắn sim số 0389202471; 01 (Một) điện thoại itel màu đen, gắn sim số 0961171566; (Một) máy tính nhãn hiệu CASIO; 01 (Một) cái bút bi của Vũ Thị D;
- 01 (Một) điện thoại OPPO màu đen, gắn sim số 0973254342 của Đào Văn B;
- 01 (Một) điện thoại MASSTEL màu đen trắng, gắn sim số 0343596484 của Trương Thị D1;
- 01 (Một) điện thoại APPLE, loại Iphone 7 màu vàng, gắn số sim 0366844988 của Trương Thị T3.

Bản cáo trạng số: 30/CT-VKSQH, ngày 05/04/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An truy tố các bị cáo Vũ Thị D, Đào Văn B, Trương Thị D1, Trương Thị T3 về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Vũ Thị D, Đào Văn B, Trương Thị D1, Trương Thị T3 về tội " Đánh bạc"

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt các bị cáo như sau:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Vũ Thị D từ 10 đến 13 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 đến 26 tháng.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Đào Văn B từ 07 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 BLHS, xử phạt bị cáo Trương Thị D1 từ 23 đến 25 triệu đồng.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 35 BLHS xử phạt bị cáo Trương Thị T3 từ 20 đến 22 triệu đồng.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số điện thoại mà các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng.

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội, chứng xác định không có tội.

Lời khai của bị cáo; đơn xin đầu thú; quyển sách ghi số lô, đề; biên bản khám xét; biên bản niêm phong đồ vật tài liệu bị tạm giữ; kết quả xổ số kiến thiết miền B mở thưởng vào ngày 23/01/2024; bản ảnh chụp tin nhắn trong điện thoại của các bị cáo và các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ thì các bị cáo phạm tội như sau: Ngày 23/01/2024 tại xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An, Vũ Thị D đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh số lô, số đề với Đào Văn B, Trương Thị D1, Trương Thị T3. Số tiền đánh bạc mà Vũ Thị D phải chịu trách nhiệm hình sự là 30.659.600 đ (*Ba mươi triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm đồng*). Số tiền đánh bạc Đào Văn B phải chịu trách nhiệm hình sự là 14.151.600 đ (*Mười bốn triệu một*

trăm năm mươi mốt nghìn sáu trăm đồng); Số tiền đánh bạc Trương Thị D1 phải chịu trách nhiệm hình sự là 10.400.000 đ (*Mười triệu bốn trăm nghìn đồng*). Số tiền đánh bạc mà Trương Thị T3 phải chịu trách nhiệm hình sự là 6.108.000 đ (*Sáu triệu một trăm linh tám nghìn đồng*).

Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp truy tố các bị cáo Vũ Thị D, Đào Văn B, Trương Thị D1, Trương Thị T3 về tội " Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS là có căn cứ.

[3] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xét tính chất của vụ án, đây là một vụ đồng phạm giản đơn, vụ án có tính chất ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và đã xâm phạm trật tự công cộng, làm mất trật tự an ninh trên địa bàn. Do đó, cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo giáo dục và góp phần phòng ngừa chung.

Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy rằng:

- Đối với bị cáo Vũ Thị D không có tiền án, tiền sự, nhân thân; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có đơn xin đầu thú; bố của bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà giao bị cáo cho chính quyền nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục.

- Đối với bị cáo Đào Văn B không có tiền án, tiền sự, nhân thân; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nộp lại số tiền thu lợi bất chính đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà giao bị cáo cho chính quyền nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục.

- Đối với bị cáo Trương Thị D1 không có tiền án, tiền sự, nhân thân; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; cha bị cáo có Huân chương kháng chiến hạng nhì đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. Áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Đối với bị cáo Trương Thị T3 không có tiền án, tiền sự, nhân thân; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo ra đầu thú đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước các điện thoại mà các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội.

Các vật chứng khác mà Cơ quan điều tra đã thu của các bị cáo và những người liên quan, xét thấy không liên quan đến vụ án và hành vi đánh bạc của các bị cáo nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Các bị cáo chưa trả tiền ghi số lô, số đề và thanh toán tiền thắng thua với nhau do vậy không xem xét.

Đối với số tiền 4.777.000 đ mà bị cáo Đào Văn B đã nộp đây là số tiền thu lợi bất chính nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[6] Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1]Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 BLHS đối với Vũ Thị D.

Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS đối với Đào Văn B.

Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 BLHS đối với Trương Thị D1,.

Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 5 BLHS đối với Trương Thị T3.

[2] Tuyên bố các các bị cáo Vũ Thị D, Đào Văn B, Trương Thị D1, Trương Thị T3 phạm tội " Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS.

[3] Xử phạt đối với các bị cáo như sau:

1-Bị cáo Vũ Thị D **10** (*mười*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Vũ Thị D cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, Nghệ An giám sát, giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2- Bị cáo Đào Văn B **07**(*bảy*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đào Văn B cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, Nghệ An giám sát, giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo Vũ Thị D, Đào Văn B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3-Trương Thị D1 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu) đồng.

4-Trương Thị T3 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng).

[4] **Vật chứng:** Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước các điện thoại mà các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội như sau:

- 01 (Một) điện thoại Nokia màu đen, gắn sim số 0389202471 đã qua sử dụng;
- 01 (Một) điện thoại itel màu đen, gắn sim số 0961171566 đã qua sử dụng.
-01 (Một) máy tính nhãn hiệu CASIO đã qua sử dụng; tiêu hủy 01 (Một) cái bút bi thu của Vũ Thị D;
- 01 (Một) điện thoại OPPO màu đen, gắn sim số 0973254342 đã qua sử dụng của Đào Văn B;
- 01 (Một) điện thoại MASSTEL màu đen trắng, gắn sim số 0343596484 đã qua sử dụng của Trương Thị D1;
- 01 (Một) điện thoại APPLE, loại Iphone 7 màu vàng, gắn số sim 0366844988 đã qua sử dụng của Trương Thị T3.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 4.777.000 đ (*Bốn triệu bảy trăm, bảy mươi bảy nghìn)* của bị cáo Đào Văn B đã nộp theo biên thu tiền số 0007328, ngày 11/3/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Quỳ Hợp.

[2] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, các bị cáo Vũ Thị D, Đào Văn B, Trương Thị D1 và Trương Thị T3 mỗi bị cáo phải chịu án phí HSST là 200.000đ (*hai trăm ngàn đồng*).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận
-PGĐ kiểm tra TA Tỉnh N.
-VKSND huyện Quỳ Hợp.
-VKSND tỉnh Nghệ An.
-Công an huyện Q.
- Những người tham gia tố tụng.
- Chi cục THADS huyện Q.
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An.
-Lưu hồ sơ vụ án.
-UBND xã T.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Văn Đạt